TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS-ST
Ngày 05-5-2025
"*V/v Tranh chấp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy – kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 và Thông báo thời gian thay đổi phiên toà số /2025/TB-TA ngày 13 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1993 và ông Kiều Hoàng M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái N trình bày như sau:

Vào ngày 06/02/2022 âm lịch bà N có tham gia chơi dây hụi tháng do bà Trần Thị G làm chủ hụi, dây hụi có 20 phần hụi một tháng xổ 01 lần, trị giá một phần hụi

là 2.000.000 đồng và bà N tham gian 01 phần hụi (chân hụi). Bà N đã thực hiện đóng hụi được 17 lần thì bà G tuyên bố bể hụi. Trong dây hụi này bà G có trách nhiệm trả cho bà N34.000.000 đồng.

Vào ngày 04/8/2022 âm lịch bà G tiếp tục tổ chức dây hụi tháng trị giá mỗi phần hụi là 2.000.000 đồng, dây hụi có 23 phần hụi và bà N tham gia một phần hụi. Bà N đóng hụi được 08 lần thì bà G tuyên bố bể hụi. Trong dây hụi này bà G có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 16.000.000 đồng, tuy nhiên bà G xin bớt số tiền 5.000.000 đồng được bà N đồng ý, như vậy trong dây hụi này bà G có trách nhiệm trả cho bà N 11.000.000 đồng.

Đến ngày 06/7/2023 bà G viết giấy biên nhận nợ xác nhận còn nợ bà N số tiền hụi là 45.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu vợ chồng ông M và bà G trả số tiền hụi là 54.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà G trả số tiền hụi 45.000.000 đồng, không tiếp tục yêu cầu ông M liên đới trả tiền nợ hụi cùng bà G. Ngoài ra bà N không yêu cầu bà G phải trả tiền lãi chậm trả.

Bị đơn bà Trần Thị G (bà G) ông Kiều Hoàng M (ông M) đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Biên nhận tiền hụi (Bản chính); biên bản hòa giải của UBND xã Đông Yên (bản sao).

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hụi".

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Các bị đơn bà G và ông M đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ ba nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bà G và ông M.

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà G có trách nhiệm trả số tiền hụi là 45.000.000 đồng và bà N rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông M cụ thể không yêu cầu ông M có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà G. Nhận thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà N.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đã được tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, trong nội dung Thông báo thụ lý vụ án số 23/2025/TB-TLVA ngày 06 tháng 01 năm 2025 đã nêu rõ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Toà án, tuy nhiên các bị đơn không thể hiện ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện cùng chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án để xét xử vụ án.

Xét thấy, tại "Biên nhận tiền hụi" do bà N cung cấp thể hiện bà G làm biên nhận xác nhận có nợ của bà N số tiền hụi là 45.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án bà G không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã thực hiện thanh toán số tiền nợ hụi cho bà G.

Ngoài chứng cứ là biên nhận tiền hụi và N còn cung cấp Biên bản hoà giải ngày 01/3/2024 của Uỷ ban nhân dân xã Đông Yên tiến hành hoà giải nội dung tranh chấp tiền nợ hụi giữa bà Trần Thị G với các hụi viên. Tại Biên bản hoà giải này bà G thừa nhận vai trò chủ hụi và đề xuất phương án trả nợ tiền hụi cho các hụi viên.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định nội dung khởi kiện của bà N yêu cầu bà G trả nợ tiền hụi là có căn cứ.

Do bà G vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với thành viên góp hụi, căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự và các Điều 18 và Điều 23 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Họ, hụi, biêu, phường cần buộc bà G phải trả cho bà Như số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Bà N rút yêu cầu khởi kiện đối với ông M, cụ thể không tiếp tục yêu cầu ông M có trách nhiệm liên đới với bà G về số tiền nợ hụi, căn cứ vào Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về yêu cầu nghĩa vụ trả của ông M.

[5] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[6] Về án phí của vụ án: 45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bà N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.350.000 đồng.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 18, Điều 23 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Họ, hụi, biêu, phường;

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ái N.

Buộc bà Trần Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ái N số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền bà Nguyễn Thị Ái N không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu nghĩa vụ trả nợ đối với ông Kiều Hoàng M do bà Nguyễn Thị Ái N rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Kiều Hoàng M.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ái N số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.350.000 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003537 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 05/5/2025. Bị đơn bà Trần Thị G và ông Kiều Hoàng M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm